

Số: 15/QĐ-THCH

Cộng Hòa, ngày 30 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2025 của Trường TH Cộng Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 30/06/2025 của UBND huyện Nam Sách về việc trích ngân sách huyện bổ sung kinh phí chi cho con người do giao tăng biên chế, tăng bậc lương, chuyển chức danh nghề nghiệp, hợp đồng theo nghị định 111/2022/NĐ-CP, chế độ chính sách cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật, chế độ chính sách cho học sinh năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung ngân sách năm 2025 của Trường TH Cộng Hòa. (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ hành chính, Bộ phận kế toán trường TH Cộng Hòa và cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đinh Thị Hòa



Biên số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỞNG TH CỘNG HÒA

Chương 622 - Loại 070- 072

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-THCH ngày 30/06/2025
của Hiệu trưởng trường TH Cộng Hòa.)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	140.251.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	140.251.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	107.717.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	32.534.000